TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến.

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2022/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương P, sinh năm: 1989 (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4 B, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 4 B, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phương P xây dựng gia đình với ông Nguyễn Văn H vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà P và ông H hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông H thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần

uống rượu về là gây gỗ, chửi bới, hù dọa bà P và con. Từ tháng 7 năm 2022 đến nay bà P và ông H ly thân, không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà P và ông H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/5/2015 và Nguyễn Tấn Hữu P, sinh ngày 21/4/2017, hiện các con chung đang sống cùng bà P. Bà P yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn H đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên tòa ông H đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Phương P yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Nguyễn Văn H đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại huyện XM theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị Phương P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bà P, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương P xây dựng gia đình với ông Nguyễn Văn H vào năm 2015 có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2015, quyển số 01/2015 đăng ký ngày 26/3/2015 tại UBND xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà P cho rằng cuộc sống chung giữa bà P và ông H hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung ngoài ra ông H thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần uống rượu về là kiếm chuyện gây gổ, chửi bới bà P và các con. Từ tháng 7/2022 đến nay bà P và ông H ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà P yêu cầu được ly hôn với ông H.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Phương P và ông Nguyễn Văn H có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không biết, do không có sự trình báo cũng không H giải ở cơ sở. Hiện nay bà P và ông H không còn chung sống với nhau, bà P đang sống với bố mẹ đẻ của bà P tại tổ 3, ấp 4B, xã TL, còn ông H đang sinh sống tại tổ 2, ấp 4B, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nay bà P có yêu cầu ly hôn, địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà P cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà P và ông H phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng từ tháng 7 năm 2022 đến nay bà P và ông H ly thân, mạnh ai nấy sống vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình – 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Sau khi bà P gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông H vắng mặt không lý do, bà P vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông H.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà P và ông H thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P đối với ông H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương P và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/5/2015 và Nguyễn Hữu Tấn Phát, sinh ngày 21/4/2017.

Xét yêu cầu của bà P về việc nuôi dưỡng 02 con chung cho thấy: Từ khi bà P nộp đơn, Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án cho đến nay, ông H không đến Tòa

án để trình bày ý kiến của mình về việc bà P có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Hiện nay, 02 con chung đang sống cùng bà P, được bà P chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu Như có nguyện vọng được sống cùng bà P; Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như để ổn định, không gây xáo trộn cuộc sống của các con chung nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N và Nguyễn Hữu Tấn Phát cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, bà Nguyễn Thị Phương P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương P đối với ông Nguyễn Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương P được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương P và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 10/5/2015 và Nguyễn Hữu Tấn Phát, sinh ngày 21/4/2017. Giao 02 con chung tên Như và Phát cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ông Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương P không yêu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011327 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà P đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo